## MÔN TOÁN

## Bài 34. EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

##### **I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

-Củng cố một số kĩ năng liên quan đến phép nhân số thập phân, tính chất của phép nhân.

-Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến phép nhân các số thập phân, đổi đơn vị đo độ dài, dung tích, diện tích, khối lượng.

-HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

##### **II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.GV**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2.HS:** SGK. Vở toán, vở nháp và đồ dùng học toán cần thiết.

**II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV** | **HOẠT ĐỘNG HS** |
| **1.Hoạt động Mở đầu (5’)** | |
| GV có thể cho HS chơi “Hỏi nhanh – Đáp gọn” để ôn lại cách thực hiện phép nhân số thập phân. |  |
| **2.Hoạt động Luyện tập – Thực hành (25’)** | |
| **Bài 1:** | – HS **đọc** yêu cầu. |
|  | – HS **xác định** các việc cần làm: **Đặt tính** |
|  | rồi **tính**. |
| – Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **nói**  cách đặt tính và thứ tự tính.  (GV cũng có thể đọc lần lượt từng phép tính cho HS thực hiện vào bảng con.) | – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn. |
|  |
|  | – HS **nói** cách đặt tính và thứ tự tính. |
| **Bài 2:** |  |
| – GV hướng dẫn HS tìm hiểu mẫu: |  |
| Tại sao 0,3 × 50 = 0,3 × (10 × 5)? | 0,3 × 50 = 0,3 × 10 × 5 = 3 × 5 = 15 |
|  | – HS thực hiện cá nhân (theo mẫu). |
|  | a) 0,7 × 40 = 0,7 × 10 × 4 |
| – Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **trình**  **bày** cách làm (mỗi nhóm/câu). | = 7 × 4 = 28 |
| 0,7 × 0,4 = 7 × 0,1 × 4 × 0,1 |
|  | = 7 × 4 × 0,1 × 0,1 = 0,28 |
|  | b) 0,6 × 700 = 0,6 × 100 × 7 |
|  | = 60 × 7 = 420 |
|  | 0,6 × 0,07 = 6 × 0,1 × 7 × 0,01 |
|  | = 6 × 7 × 0,1 × 0,01 = 0,042 |
|  | c) 0,3 × 8 000 = 0,3 × 1 000 × 8 |
|  | = 300 × 8 = 2 400 |
|  | 0,3 × 0,008 = 3 × 0,1 × 8 × 0,001 |
|  | = 3 × 8 × 0,1 × 0,001 = 0,0024 |
|  | – HS **trình bày** cách làm. |
|  | Ví dụ: |
|  | a) 0,7 × 40 = 0,7 × 10 × 4 (Vì 40 = 10 × 4.) |
|  | = 7 × 4 = 28 |
|  | 0,7 × 0,4 = 7 × 0,1 × 4 × 0,1 |
|  | (Vì 0,7 = 7 × 0,1; 0,4 = 4 × 0,1.) |
|  | = 7 × 4 × 0,1 × 0,1 |
|  | = 28 × 0,1 × 0,1 |
|  | = 2,8 × 0,1 |
|  | = 0,28 |
|  | … |
| **Bài 3:** |  |
| – GV cho HS đọc yêu cầu của bài, tìm cách | – HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết** |
| thực hiện: | yêu cầu của bài: Số?. |
| + Tìm thế nào? | Chuyển đổi đơn vị đo |
|  | – HS nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo. |
|  | Sử dụng cách nhân nhẩm với 1 000, 10 000, … |
|  | để chuyển đổi. |
|  | a) 12,5 km = 12 500 m b) 4,2 *l* = 4 200 m*l* |
|  | c) 2,7 m2 = 27 000 cm2 |
| – Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **nói** | – HS **nói** cách làm. |
| cách làm. | Ví dụ: |
|  | a) 12,5 km = ? m |
|  | Nói: 1 km = 1 000 m |
|  | 12,5 km = 12,5 × 1 000 m = 12 500 m |
|  | Viết: 12,5 km = 12 500 m. |
|  | b) 2,7 m2 = ? cm2 |
|  | Nói: 1 m2 = 10 000 cm2 |
|  | 2,7 m2 = 2,7 × 10 000 cm2 = 27 000 cm2 |
|  | Viết: 2,7 m2 = 27 000 cm2. |
|  | … |
| **Bài 4:** |  |
| – GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài và cách  thực hiện. | a) HS **nhận biết** yêu cầu của bài: **Tính**, **so sánh**  giá trị của các biểu thức. |
|  | – HS (nhóm bốn) thực hiện (mỗi HS/biểu thức). |
| – Khi sửa bài, GV **khuyến khích** nhiều | a) 8,5 × (2,6 + 7,4) = 8,5 × 10 = 85 |
| nhóm trình bày. | 8,5 × 2,6 + 8,5 × 7,4 = 22,1 + 62,9 = 85  🡪 8,5 × (2,6 + 7,4) = 8,5 × 2,6 + 8,5 × 7,4 |
|  | = 85 |
| * GV khái quát:   a × (b + c) = a × b + a × c   * GV khái quát:   a × (b – c) = a × b – a × c  Nhân một số với một tổng (hoặc một hiệu) với các số thập phân ta làm thế nào?   * Sửa bài, GV khuyến khích HS nói cách thực hiện. | HS lặp lại.  1,7 × 14,3 – 1,7 × 4,3 = 24,31 – 7,31 = 17  1,7 × (14,3 – 4,3) = 1,7 × 10 = 17  🡪 1,7 × (14,3 – 4,3) = 1,7 × 14,3 – 1,7 × 4,3  = 17  HS lặp lại.  Quy tắc nhân một số với một tổng (hoặc một hiệu) với các số thập phân cũng tương tự như với các số tự nhiên. Ta có thể áp dụng quy tắc để tính toán thuận tiện.  b) HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn. 0,92 × 4,2 + 0,92 × 5,8 = 0,92 × (4,2 + 5,8)  = 0,92 × 10 = 9,2  7,3 × 1,6 – 7,3 × 0,6 = 7,3 × (1,6 – 0,6)  = 7,3 × 1 = 7,3 |
| **3.Hoạt động Vận dụng – Trải nghiệm** | |
| **Bài 5:**  – Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** cách chọn phép tính. | * HS **xác định** bài toán **cho biết gì**, bài toán   **hỏi gì**.   * HS **thực hiện** cá nhân.   Bài giải   1. 1,2 × 0,7 = 0,84   0,84 km2 = 84 ha  Diện tích của vùng trồng lúa là 84 ha.   1. 6,2 × 84 = 520,8   Sản lượng lúa của cả vùng là 520,8 tấn.  – HS **giải thích** cách chọn phép tính. Ví dụ:   1. Diện tích hình chữ nhật = Dài x Rộng (cùng đơn vị đo) 🡪 Phép nhân 🡪 1,2 × 0,7. 2. 1 ha: 6,2 tấn 84 ha: .?. tấn   🡪 Gấp 6,2 tấn lên 84 lần 🡪 Lấy 6,2 tấn × 84.  ... |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** (nếu có)

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………